

Bản án số: 1186/2019/HNST
Ngày: 30/9/2019
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân M

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh T
2. Ông Phạm Văn C

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Huy A – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 645/2019/TLST – HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 258/2019/QĐXX-ST ngày 09/9/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1979 (có mặt)

Nơi cư trú: xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, Tp. HCM

Bị đơn: Ông Mai Xuân Đ, sinh năm: 1977 (có mặt)

Nơi cư trú: xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, Tp. HCM

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải không thành tại Tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà và ông Mai Xuân Đ có tự nguyện tìm hiểu và tiến đến xây dựng gia đình vào năm 2015, hai bên có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh. Sau khi xây dựng gia đình, cuộc sống chung giữa bà và ông Đ lúc đầu có hạnh phúc, đến năm 2017 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn.

Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng không hợp nhau, giữa bà và ông Đ không có tiếng nói chung, khác biệt trong cách sống và quan điểm sống dẫn đến thường xuyên mâu thuẫn mất hạnh phúc, ông Đ còn có hành vi đồng tính về đánh đập bà nên vợ chồng ly thân đến nay. Bà và ông Đ nhiều lần ngồi lại để giải

quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà và ông Đ chung sống có 01 con chung tên Mai Xuân Minh Đ, sinh ngày 17/01/2017. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Đ đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Về phía bị đơn ông Mai Xuân Đ trình bày:

Về thời gian tìm hiểu tiến đến xây dựng gia đình bà H trình bày là đúng, ông thống nhất.

Về mâu thuẫn vợ chồng ông thừa nhận giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do không hợp nhau nhưng nguyên nhân dẫn đến việc bà H xin ly hôn ông là do ông có đôi lần đánh bà H làm vợ chồng mất hạnh phúc, ông nhiều lần liên lạc tìm kiếm bà H khắp nơi nhưng bà H cương quyết không cho gặp mặt và không cho ông thăm con, còn bà H cho rằng ông có hành vi đồng tính thì ông không thừa nhận. Do còn thương yêu vợ con nên ông không đồng ý ly hôn, nguyện vọng xin được đoàn tụ cùng bà H.

Về con chung: có 01 trẻ tên Mai Xuân Minh Đ, sinh ngày 17/01/2017. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Đ đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu bà Hường cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp bà H nuôi con thì ông cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 (bốn triệu) đồng đến khi con trưởng thành.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến yêu cầu như đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Lời trình bày của bà H, ông Đ tại phiên tòa công khai hôm nay phù hợp với chứng cứ thu thập được trong hồ sơ thể hiện đây là mối quan hệ hôn nhân hợp pháp do đôi bên có đăng ký kết hôn theo luật định.

Xét nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa bà H và ông Đ không thể hàn gắn được với nhau, giữa bà H và ông Đ có nhiều mâu thuẫn bất đồng từ năm 2017 đến nay nhưng cả hai bên đều không thể tự giải quyết dẫn đến cuộc sống chung giữa vợ chồng mất hạnh phúc. Tại phiên tòa, mặc dù phía ông Đ tha thiết mong được đoàn tụ cùng bà H nhưng bà H vẫn cương quyết xin được ly hôn ông Đ vì bà cho rằng nếu tiếp tục chung sống cũng không có hạnh phúc, tình cảm của bà đối với ông Đ không còn. Hội đồng xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên xét yêu cầu của bà H xin ly hôn ông Đ, Hội đồng xét thấy có cơ sở nên chấp nhận.

Về con chung: Cả bà Hường và ông Đức đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Mai Xuân Minh Đạt, sinh ngày 17/01/2017 đến tuổi trưởng

thành. Tuy nhiên xét từ khi vợ chồng ly thân đến nay bà H trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Đ, hiện nay trẻ Đ còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên Hội đồng xét thấy cần tiếp tục giao bà Hường trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp, ghi nhận việc ông Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 (bốn triệu) đồng đến khi trẻ Đ tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Do không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: không có.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015,

Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 84, 107, 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H:

* Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Thị H ly hôn ông Mai Xuân Đ.

* Về con chung: Giao trẻ Mai Xuân Minh Đ, sinh ngày 17/01/2017 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành, ông Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng đến khi trẻ Đ tròn 18 tuổi, thi hành khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Vì lợi ích con chung, sau khi ly hôn bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ kiện này.

* Nợ chung: không có.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị H chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, tính cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0004112 ngày 31/5/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đối với nghĩa vụ cấp dưỡng, thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.HM;
- Chi Cục THADS H.HM;
- UBND phường 17, quận Gò Vấp, Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Xuân M